

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 30/9/2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm: 1987

HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Khu dân cư Chánh Phú Ng, đường 30/4, p. Phú Th, Tp. Th, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Anh Trương Thành T (Tên gọi khác: Kh), sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thành T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ph, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 62, ký ngày 22/6/2006. Khi vợ chồng về chung sống thì đã xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2020 thì chị không thể dung hòa được nữa nên chị đã đi nơi khác sinh sống dẫn đến vợ chồng ly thân được 6 tháng. Mâu thuẫn của vợ chồng có rất nhiều nhưng mấu chốt là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể dung hòa được suy nghĩ của hai bên. Mặt khác, anh Trương Thành T không có sự chia sẻ, cảm thông đối với chị. Mỗi lần vợ chồng cãi vã nhau thì anh Trương Thành T thường lớn tiếng đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành T.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trương Thành T có 03 con chung tên là Trần Quang T, sinh ngày 22/5/2006, Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2016 và Trần Gia T, sinh ngày 02/10/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Trương Thành T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trương Thành T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Thành T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Trương Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Thu H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Thời gian nảy sinh mâu thuẫn bắt đầu từ khi chung sống với nhau. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do lối sống, cách suy nghĩ về công việc, các quan hệ xã hội giữa anh và chị Trần Thu H có nhiều điểm khác biệt. Khi chung sống chị Trần Thu H dành quá nhiều thời gian cho các hoạt động tình nguyện không dành thời gian chăm lo cho gia đình, cho con cái. Khi anh góp ý thì chị Trần Thu H không nghe khuyên nhủ dẫn đến vợ chồng cãi vã. Ngoài ra, chị Trần Thu H có thái độ khinh khi coi thường anh sống nương nhờ nhà vợ dẫn đến vợ chồng có nhiều bất mãn với nhau. Chị Trần Thu H và anh đã sống ly thân một hai lần nhưng sau đó quay về đoàn tụ. Lần cuối cùng vợ chồng sống ly thân là từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian này đôi bên không quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau. Nay tình cảm không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị Trần Thu H.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Thu H về con chung. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu lớn do hai cháu thời gian vừa qua sống với anh và bản thân anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Anh và chị Trần Thu H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Trần Thu H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thu H.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Gia T, sinh ngày 02/7/2017 cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 22/5/2006 và Trần An H, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Trương Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản photo); Giấy khai sinh của con chung (bản photo);

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Không có

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Lời khai của nguyên đơn, của bị đơn và con chung.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất: Về thời gian chung sống; Về việc đăng ký kết hôn; Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn; Về việc nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung và nợ chung

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thu H (là nguyên đơn) và anh Trương Thành T (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thu H và anh Trương Thành T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Trương Thành T đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Ph, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 62, ký ngày 22/6/2006. Lời khai của chị Trần Thu H và anh Trương Thành T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 03). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thu H và anh Trương Thành T là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Trần Thu H khai nhận vợ chồng chung sống không hòa hợp, có nhiều bất đồng trong suy nghĩ không thể dung hòa làm vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Trần Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Thành T nhất trí với lời khai của chị Trần Thu H. Xét thấy, anh Trương Thành T và chị Trần Thu H đều thừa nhận giữa vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống. Anh Trương Thành T và chị Trần Thu H xác nhận mâu thuẫn của anh chị diễn ra trong thời gian dài và đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặt khác, chị Trần Thu H và anh Trương Thành T đều thừa nhận từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay các bên không có liên lạc, quan tâm chăm sóc nhau. Đôi bên đều nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ

không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thu H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thu H và anh Trương Thành T khai nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Quang T, sinh ngày 22/5/2006, Trần Gia H, sinh ngày 08/01/2016 và Trần Gia T, sinh ngày 02/10/2017. Lời khai của chị Trần Thu H và anh Trương Thành T phù hợp với tài liệu đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 07,08,09). Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thu H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu. Sau đó chị Trần Thu H thay đổi nguyện vọng mong được xem xét nuôi dưỡng cháu Trần Gia T. Anh Trương Thành T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu lớn. Xét, cháu Trần An H và cháu Trần Gia T còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thu H và anh Trương Thành T đều thừa nhận trong thời gian sống ly thân chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia T và sinh sống tại tỉnh Bình Dương, anh Trương Thành T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia H và sinh sống tại tỉnh Bình Phước. Việc nuôi dưỡng cháu Trần Gia T và Trần An H của chị Trần Thu H và anh Trương Thành T thời gian qua đều đảm bảo việc phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của hai cháu, theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần tiếp tục giao cháu Trần Gia T cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần An H cho anh Trương Thành T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Trần Quang T: Cháu Trần Quang Tiến có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (bút lục số 25). Xét thấy, cháu Trần Quang T đang ở tuổi dậy thì cần môi trường ổn định để phát triển. Mặt khác, những nhu cầu về vật chất và tinh thần cho cháu Trần Quang T cần tiêu tốn một số tiền nhất định. Tại bản tự khai ngày 25/8/2021 chị Trần Thu H thừa nhận hiện nay chị không có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng ba con. Như vậy, việc giao cháu Trần Quang T cho chị Trần Thu H nuôi dưỡng không đảm bảo sự phát triển của cháu. Trong khi đó anh Trương Thành T có đủ điều kiện kinh tế, có nơi ở ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bản thân cháu Trần Quang T thừa nhận trong thời gian vừa qua cháu được anh Trương Thành T trực tiếp chăm sóc phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần (bút lục số 25). Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Quang T theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Trần Quang T cho anh Trương Thành T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trần Thu H và chị Trương Thành T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thu H và chị Trương Thành T đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thu H và chị Trương Thành T khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thu H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu H. Chị Trần Thu H được ly hôn với anh Trương Thành T

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Gia T, sinh ngày 02/7/2017 cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 22/5/2006 và Trần An H, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Trương Thành T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thu H, anh Trương Thành T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Chị Trần Thu H, anh Trương Thành T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Trần Thu H, anh Trương Thành T không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thu H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016207 ký ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh